

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Xét Tờ trình số 4843/TTr-UBND ngày 16/11/2016 của UBND tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020 - 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cụ thể như sau:

- Mức thu học phí năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Kèm theo Phụ lục I).

- Mức thu học phí từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021 đối với chương trình đào tạo đại trà trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp (Kèm theo Phụ lục II).

Từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2020 - 2021, học phí đối với bậc giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng bình quân hàng năm do Bộ

Kế hoạch và Đầu tư thông báo. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, quản lý và sử dụng khoản thu học phí từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021 thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát và động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thời điểm áp dụng mức thu học phí mới bắt đầu từ năm học 2017 - 2018.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua và thay thế các nội dung liên quan đến học phí giáo dục được ban hành tại Nghị quyết số 24/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc sửa đổi, bổ sung và ban hành mới một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục kiểm tra VB Bộ Tư pháp;
- TVTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, Viện KSND tỉnh;
- VPTU, VP HĐND tỉnh, VPUBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- ĐB HĐND tỉnh, CV VP HĐND tỉnh;
- Báo QT, TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VHXX.

926

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục số I

BIỂU THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2017-2018 ĐẾN NĂM HỌC 2020 - 2021 ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Quảng Trị)



TT	Cơ sở giáo dục	Thời gian thu	Đơn vị tính	Mức thu học phí vùng Thành thị	Mức thu học phí vùng Nông thôn	Mức thu học phí vùng Miền núi
1	Mầm non	9 tháng	đồng/HS /tháng	165.000	66.000	33.000
2	Trung học cơ sở, Bổ túc trung học cơ sở	9 tháng	đồng/HS /tháng	120.000	48.000	24.000
3	Trung học phổ thông, Bổ túc trung học phổ thông	9 tháng	đồng/HS /tháng	150.000	60.000	30.000
4	Dạy nghề học sinh phổ thông					
4.1	Trung học cơ sở	Chứng chỉ	đồng/HS /chứng chỉ	120.000	120.000	120.000
4.2	Trung học phổ thông	Chứng chỉ	đồng/HS /chứng chỉ	120.000	120.000	120.000
5	Bằng tốt nghiệp	Bản	đồng /bản chính, bản sao	12.000	12.000	12.000



Phụ lục số II
BIỂU MỨC THỦ HỌC PHÍ TỪ NĂM HỌC 2017-2018 ĐẾN NĂM HỌC 2020-2021
ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG VÀ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Nhóm ngành	Chương trình đào tạo	Đơn vị tính	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1.Khoa học xã hội, kinh tế, luật, nông, lâm thủy sản	Cao Đẳng	đồng/SV /tháng	472.000	520.000	568.000	624.000
	Trung cấp	đồng/SV /tháng	260.000	285.000	310.000	345.000
2. Khoa học tự nhiên, kỹ thuật công nghệ, thể dục thể thao, nghệ thuật, khách sạn, du lịch	Cao Đẳng	đồng/SV /tháng	560.000	616.000	680.000	752.000
	Trung cấp	đồng/SV /tháng	305.000	335.000	370.000	410.000
3.Y Dược	Cao Đẳng	đồng/SV /tháng	774.000	846.000	936.000	1.026.000
	Trung cấp	đồng/SV /tháng	675.000	747.000	819.000	900.000